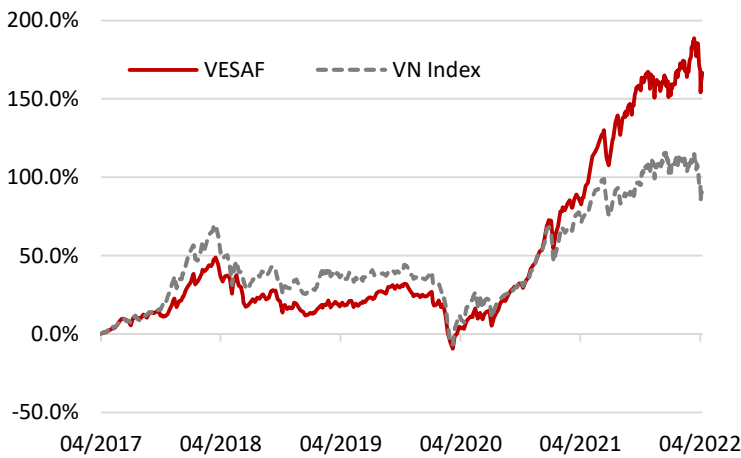


VESAF Chiến lược đầu tư

Tối đa hóa lợi nhuận đầu tư từ trung đến dài hạn bằng cách tập trung chủ yếu vào các cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ có tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận cao, dòng tiền kinh doanh ổn định và mức định giá thấp; các cổ phiếu được nhà đầu tư nước ngoài quan tâm nhưng hết room ngoại.

Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập



Dữ liệu trên là kết quả đầu tư trong quá khứ và không phản ánh hiệu quả đầu tư trong tương lai. Lợi nhuận đầu tư và vốn đầu tư sẽ thay đổi do đó Quý nhà đầu tư có thể lời hoặc lỗ khi bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị thể hiện ở trên.

Hiệu suất đầu tư của quỹ VESAF

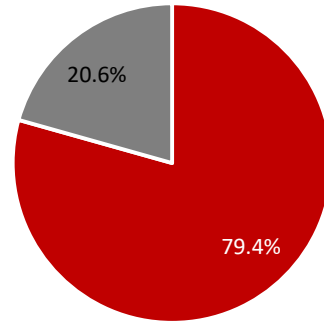
	VESAF	VN-Index
Tổng tài sản (tỷ VNĐ)	1,263.5	
Giá trị tài sản ròng/CCQ (VNĐ)	26,645.2	
Lợi nhuận tháng 04/2022 (%)	(5.6)	(8.4)
Lợi nhuận từ đầu năm 2022 (%)	2.0	(8.8)
Lợi nhuận trung bình 3 năm (%)	30.5	11.7
Lợi nhuận trung bình hàng năm từ khi thành lập (%)	21.6	14.0
Lợi nhuận từ ngày thành lập (%)	166.5	92.7

(Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý)

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: irwm@vinacapital.com
Tel: +84 28 38 27 85 35

Phân bổ tài sản

% Giá trị tài sản ròng



■ Cổ phiếu ■ Tiền và tương đương tiền

Thông tin quỹ

Ngày thành lập	18/04/2017
Phí quản lý	1.75%/năm
Phí phát hành	0.0%
Phí mua lại	2.0% < 12 tháng 1.5% >= 12 tháng 0.5% >= 24 tháng
Mức đầu tư tối thiểu	2.000.000 VNĐ / ~90USD
Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
Công ty kiểm toán	PwC Việt Nam
Tần suất giao dịch	Hàng ngày, từ thứ Hai đến thứ Sáu
Chỉ số tham chiếu	VN-Index

Chỉ số danh mục cổ phiếu

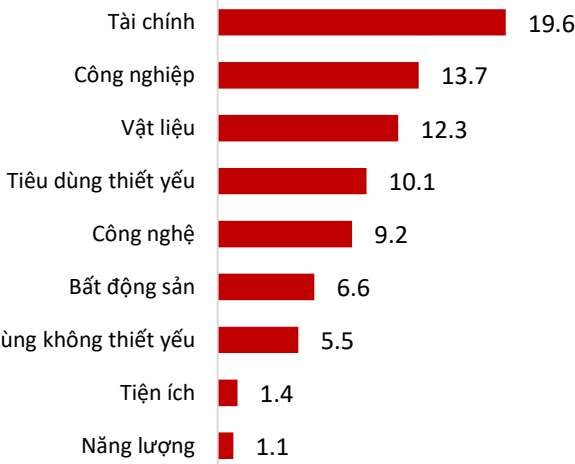
	VESAF	VN-Index
Chỉ số P/E (x) (*)	13.3	14.9
Chỉ số P/B (x) (*)	2.9	2.3
Chỉ số ROE (%) (*)	21.7	15.8
Tỷ suất cổ tức (%)	2.0	1.2
Vòng quay danh mục 12 tháng (%)	32.1	0.0
Hệ số Sharpe	0.8	0.4
Số lượng cổ phiếu	29	408

(*) Số liệu 12 tháng gần nhất

Nguồn: Bloomberg, dự báo của VinaCapital

Phân bố theo ngành

% Giá trị tài sản ròng



Danh mục đầu tư lớn

Cổ phiếu	Ngành	% Giá trị tài sản ròng
MBB	Tài chính	9.4
FPT	Công nghệ	9.2
MWG	Tiêu dùng không thiết yếu	5.5
KDH	Bất động sản	4.3
QNS	Tiêu dùng thiết yếu	4.1
VPB	Tài chính	3.6
DPR	Vật liệu	3.3
VHC	Tiêu dùng thiết yếu	3.2
FMC	Tiêu dùng thiết yếu	2.8
SZC	Công nghiệp	2.8

Cập nhật thị trường và quỹ VESAF

CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán Việt Nam giảm 8,4% trong tháng 4 trước một loạt các thông tin về việc Cục dự trữ liên bang Mỹ Fed tăng lãi suất, tình hình chiến sự giữa Nga và Ukraina, việc điều tra các vi phạm trên thị trường chứng khoán và chính sách zero-COVID của Trung Quốc. Tính từ đầu năm, chỉ số VN Index đã giảm 8,8%.

Thị trường chứng khoán thế giới cũng biến động mạnh. Chỉ số MSCI World Index và S&P 500 giảm 8,1% và 8,8% trong tháng 4.

Tâm lý thị trường trong nước khá thận trọng. Giá trị giao dịch trung bình trên cả ba sàn giảm xuống còn 26,3 nghìn tỷ đồng/phiên trong tháng 4, thấp hơn 19% so với tháng 3 và là mức thấp nhất trong 9 tháng gần nhất. Điểm tích cực là nhà đầu tư nước ngoài trở lại mua ròng trong tháng 4 sau 8 tháng liên tiếp bán ròng với giá trị mua ròng 4.019 tỷ đồng, tính trên cả 3 sàn.

Một điểm tích cực nữa là kết quả kinh doanh quý 1 của các doanh nghiệp niêm yết. Theo báo cáo tài chính quý 1 đã được công bố, tổng lợi nhuận ròng của các doanh nghiệp niêm yết trên HOSE tăng 30% so với cùng kỳ năm trước.

Nền kinh tế tiếp tục phục hồi nhanh trong tháng 4. Chỉ số sản xuất công nghiệp và tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng trong tháng 4 tăng 9,4% và 12,1% so với cùng kỳ năm trước, đưa mức tăng trưởng trong 4 tháng đầu năm lên 7,5% và 6,5%. Xuất khẩu và nhập khẩu tăng 16,4% và 15,7% trong 4 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước, đạt 122,4 tỷ USD và 119,8 tỷ USD, mang lại thặng dư thương mại 2,5 tỷ USD. Chỉ số quản trị mua hàng (PMI) vẫn ở mức 51,7 trong tháng 4, tuy nhiên các doanh nghiệp tham gia khảo sát cho biết chi phí đầu vào tiếp tục tăng mạnh và thời gian giao hàng của nhà cung cấp bị kéo dài do tình hình COVID-19 tại Trung Quốc và cuộc chiến tại Ukraina.

Việc thị trường chứng khoán giảm trong tháng 4 đã đưa nhiều cổ phiếu về mức định giá hấp dẫn cho đầu tư dài hạn. Tại thời điểm cuối tháng 4, chỉ số VN-Index đang được giao dịch ở mức P/E 2022 là 13 lần, thấp hơn hẳn so với trung bình 5 năm gần nhất (15,9 lần), trong khi tổng lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết được dự báo sẽ tăng trưởng 20% trong năm 2022. Chúng tôi cho rằng thời điểm hiện tại rất phù hợp cho các nhà đầu tư dài hạn gia tăng tỷ trọng nắm giữ cổ phiếu.

CẬP NHẬT VESAF

Quỹ VESAF giảm 5,6% trong tháng 4, bởi sự điều chỉnh giảm của cả thị trường đã làm giảm giá hầu hết các cổ phiếu trong danh mục, đặc biệt là những cổ phiếu vốn hóa nhỏ sau khi đã đạt mức tăng trưởng ấn tượng trong thời gian vừa qua. Cụ thể trong danh mục VESAF, PLC giảm 29% trong tháng 4 do những thông tin tiêu cực liên quan đến tiến độ giải ngân đầu tư công trong năm khi giá cả vật liệu xây dựng đã tăng lên đáng kể. SZC và KBC trong nhóm bất động sản công nghiệp cũng chịu áp lực bán khi giảm lần lượt 23% và 18% trong tháng, dưới những tác động từ lo ngại chung về thị trường trái phiếu bất động sản. MBB cũng giảm 10% trong tháng 4 mặc dù công bố kết quả lợi nhuận quý 1 tăng trưởng 28% và các nhà đầu tư lạc quan với triển vọng tăng trưởng khi ngân hàng công bố tham gia tái cấu trúc Ocean Bank.

Mặc dù vậy, VESAF vẫn giữ một hiệu suất cao hơn nhiều so với VN-Index trong tháng 4 và cả 4 tháng đầu năm. Những khoản đầu tư và doanh nghiệp xuất khẩu chọn lọc, ngành hậu cần cảng biển và nhóm cổ phiếu có tính phòng thủ đã hỗ trợ danh mục của VESAF. VHC (+10%), DGC (+6%) và FMC (+0%) tiếp tục vượt trội thị trường với kết quả kinh doanh quý 1 ấn tượng lần lượt tăng trưởng 318%, 370% và 37%, và triển vọng xuất khẩu tích cực trong các tháng còn lại. ILB, một doanh nghiệp trong ngành hậu cần với lợi thế kho bãi và cảng cạn, tăng 4% trong tháng 4 sau khi công bố tăng trưởng lợi nhuận 60% trong quý 1. Các khoản đầu tư khác trong ngành điện nước REE (+1%), BWE (+3%) và bảo hiểm MIG (+5%) cũng báo cáo tăng trưởng lợi nhuận từ HĐKD chính quý 1 lần lượt là 67%, 23% và 82%. Cả danh mục VESAF có tăng trưởng lợi nhuận quý 1 đạt 43%, cao hơn mức 30% của toàn thị trường.

Chúng tôi đã tăng nắm giữ tiền mặt từ 13% trong tháng 3 lên hơn 20% vào cuối tháng 4 để giảm thiểu rủi ro trong điều kiện thị trường đầy biến động. Ngoài việc bán toàn bộ TCB để giảm tỷ trọng vào nhóm ngân hàng cho vay bất động sản lớn trong tháng 3, chúng tôi cũng giảm tỷ trọng ở một số cổ phiếu vốn hóa nhỏ đã tăng giá mạnh và có mức định giá không còn hấp dẫn. Song song đó, chúng tôi vẫn giải ngân trong những lúc thị trường giảm điểm, để tăng tỷ trọng vào nhóm ngành công nghệ, hậu cần và bảo hiểm.

Lợi nhuận hằng tháng

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	Lợi nhuận từ đầu năm
2020	-3.8%	-1.3%	-23.5%	15.0%	6.3%	-1.3%	-1.4%	12.8%	5.2%	1.2%	11.0%	9.0%	25.6%
2021	1.2%	12.5%	1.4%	3.4%	14.1%	6.3%	-1.2%	6.2%	3.7%	6.7%	0.0%	-0.7%	67.0%
2022	-0.8%	4.9%	3.9%	-5.6%									2.0%

Thông tin quan trọng

Những thông tin trong đây do Công ty cổ phần quản lý Quỹ VinaCapital ("Công ty") soạn thảo và có thể được cập nhật, hoàn chỉnh, sửa đổi, điều chỉnh và xác nhận thêm mà không cần phải thông báo.

Thông tin không cấu thành hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc ga găm mua hoặc đăng ký mua bất kỳ cổ phiếu nào cũng như không tạo thành cơ sở hoặc liên quan đến hoặc hành động như là sự thuyết phục tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước lượng hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ xác nhận hoặc cập nhật những thông tin trong tương lai nếu sự ước lượng hoặc ý kiến về tình hình hoặc quản lý thay đổi.